

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

MỤC 1. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm máy photocopy chuyên dùng, máy scan tài liệu, máy hủy tài liệu phục vụ hoạt động chung.
- Tên dự toán: Mua sắm tài sản năm 2026 của Thuế thành phố Hà Nội.
- Chủ đầu tư: Thuế thành phố Hà Nội.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
- Địa điểm thực hiện dự án: Các Thuế cơ sở thuộc quản lý của Thuế thành phố Hà Nội.
- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Cung cấp và lắp đặt máy móc, thiết bị văn phòng.
- Hình thức tổ chức thực hiện gói thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết của thiết bị

STT	Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng
1	Máy photocopy chuyên dùng	- Tốc độ 65 trang/phút; Độ phân giải in: 1200x1200dpi; độ phân giải 600x600dpi; khổ giấy sao chụp tối đa: A3; Bộ nạp và đảo bản gốc tự động; Màn hình cảm ứng tiếng Việt; Kết nối mạng. Yêu cầu bảo hành: Toàn bộ thiết bị bảo hành 1.000.000 bản chụp hoặc 36 tháng; Trống (drum) bảo hành: 6.000.000 bản in hoặc 5 năm	02 chiếc
2	Máy hủy tài liệu phục vụ hoạt động chung	- Kiểu hủy: Hủy vụn Công suất hủy định lượng giấy: (80g/70g) 15 tờ - 20 tờ/lần Loại động cơ: Mô - tơ cảm ứng điện từ Thời gian hủy liên tục: 20 phút	10 chiếc

STT	Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng
		<p>Kích thước sợi hủy: 3,9*38mm</p> <p>Độ rộng cửa hủy: 230 mm</p> <p>Tính năng tắt/mở: Bật/ tắt tự động- tắt- đảo ngược</p> <p>Tự chuyển về chế độ chờ: Có</p> <p>Tốc độ hủy (1 tờ/ công suất): 120V: 6.0s/6.5s - 230V:7.0s/7.5s</p> <p>Khả năng hủy: Thẻ tín dụng/ giấy/ ghim kẹp/ ghim bấm/CD</p> <p>Dung tích thùng chứa: 31,4 lít</p> <p>Bảo vệ quá nhiệt, quá tải: Có</p> <p>Cảnh báo đầy thùng: Có</p> <p>Chế độ ngủ (tiết kiệm điện năng): Có</p> <p>Vận hành êm ái, độ ồn thấp</p> <p>Công suất tiêu thụ: 650W</p> <p>Sản xuất năm 2025 trở lại đây</p> <p>Bảo hành: 12 tháng</p>	
3	Máy scan tài liệu phục vụ hoạt động chung	<p>Kiểu máy: Quét 2 mặt tự động</p> <p>Đèn quét: CIS x 2</p> <p>Khổ giấy: Tối đa: 215,9 x 355,6 mm; Tối thiểu: 48 x 50 mm</p> <p>Kéo giấy dài: 6.096 mm</p> <p>Khả năng quét thẻ nhựa chữ nổi, độ dày tối đa 1,4mm</p> <p>Quét sô/ Hộ chiếu: tối đa dày 7 mm</p> <p>Định lượng giấy: 20 - 465 g/m²</p> <p>Tốc độ quét: Một mặt: 50 ppm, Hai mặt: 100 ipm (A4, quét màu, 300dpi)</p> <p>Khay giấy: 100 tờ (A4: 80 g/m²)</p> <p>Công suất: 8000 trang/ ngày</p> <p>Cổng kết nối: USB 3.1 Gen1/USB 3.0 / USB 2.0/USB 1.1; Ethernet: 10BASE-T, 100BASE-TX, 1000BASE-T</p> <p>Chức năng quét khổ A3, bì thư: Có khả năng quét giấy khổ A3 bằng cách gấp đôi và quét bì thư mà không cần sử dụng phụ kiện</p>	05 chiếc

STT	Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng
		<p>Chức năng quản lý máy: Đi kèm phần mềm quản lý cấu hình, theo dõi nhiều máy từ xa cùng lúc dưới dạng phần mềm server – client</p> <p>Kết xuất dữ liệu (indexing): Kèm theo phần mềm tách trường văn bản, khả năng khoanh 20 vùng văn bản tiếng Việt, nhận dạng (OCR) vùng văn bản sau đó kết xuất thông tin vào file chuẩn .txt, .csv, .xml. Người sử dụng có khả năng tự khoanh vùng trường văn bản cần nhận dạng.</p> <p>Sản xuất năm 2025 trở lại đây</p> <p>Bảo hành: 12 tháng</p>	

Ghi chú:

- Tên hãng sản xuất, model, ký mã hiệu của thiết bị (nếu có) nêu trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo, không nhằm chỉ định một hãng sản xuất, model nào.

- Yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị nêu trên là mức yêu cầu tối thiểu cần đáp ứng, nhà thầu phải chào thiết bị có cấu hình kỹ thuật đạt mức tương đương hoặc cao hơn với yêu cầu kỹ thuật nêu trên.

- Công nghệ của các thiết bị nêu trên chỉ mang tính chất tham khảo, nhà thầu có thể chào công nghệ tương đương đảm bảo đáp ứng yêu cầu chất lượng sản phẩm.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật khác

- Quá trình triển khai lắp đặt hàng hóa phải đảm bảo không được gây gián đoạn, ảnh hưởng đến việc hoạt động của người dùng trong giờ hành chính.

- Nhà thầu có cam kết lắp đặt hoàn chỉnh, chạy thử, hướng dẫn sử dụng thành thạo tại nơi lắp đặt hàng hóa.

- Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hoá:

+ Cam kết hàng hoá chào thầu phải mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở về sau;

+ Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) đối với hàng hoá nhập khẩu khi giao hàng;

+ Hàng hóa phải có Catalogue, tài liệu kỹ thuật (phải ghi cụ thể đường link website nếu tài liệu được tham chiếu trên Web) để chứng minh tính đáp ứng đầy đủ về yêu cầu kỹ thuật, tính năng sử dụng của hàng hóa như Mục 1.2.1 Chương V của E-HSMT. Trường hợp trong catalogue, tài liệu kỹ thuật không thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật như yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu phải cung cấp các tài

liệu có đủ thông số kỹ thuật có xác nhận của Nhà sản xuất hoặc Văn phòng đại diện của nhà sản xuất tại Việt Nam (đính kèm E-HSDT) để chứng minh đầy đủ tính đáp ứng về yêu cầu kỹ thuật;

+ Các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa nếu sử dụng bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt của cơ sở dịch thuật hợp pháp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung bản dịch so với bản gốc và tính pháp lý của tài liệu này.

- Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa đề xuất cho gói thầu theo Mẫu sau:

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA CHÀO THẦU

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT	Thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất	Tài liệu tham chiếu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1				<ul style="list-style-type: none"> - Hãng sản xuất - Mã hiệu - Ký hiệu (Model) 	<ul style="list-style-type: none"> - Về thông số kỹ thuật chi tiết: Tham chiếu tại trang số ... (bảng số...), tại tài liệu Catalogue; - Về tính hợp lệ của hàng hóa: Tham chiếu tài liệu (Tên file tài liệu kỹ thuật của hàng hóa chào thầu, đính kèm cùng E-HSDT)

Ghi chú:

(1) Dẫn chiếu theo theo nội dung danh mục hàng hóa tại Mẫu số 01A, Chương IV.

(2) Dẫn chiếu theo yêu cầu tại Mục 1.2.1 Chương V, E-HSMT.

(3) Nhà thầu kê khai đầy đủ các thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu tương ứng với các nội dung được yêu cầu trong E-HSMT. Số liệu phải được mô tả chi tiết theo từng thông số kỹ thuật chi tiết, tính năng sử dụng của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT.

(4) Nhà thầu ghi rõ xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất của hàng hóa phù hợp với đề xuất về kỹ thuật.

(5) Nhà thầu phải dẫn chứng tại trang nào, phần nào, mục nào, tài liệu nào của HSDT đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong HSMT, để bên mời thầu tham chiếu khi xem xét đánh giá HSDT. Trường hợp nhà thầu không trình bày đầy đủ thông tin

theo yêu cầu nêu trên, Bên mời thầu sẽ tra cứu thông tin trên website của nhà sản xuất/đại lý phân phối được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất để xem xét. Nếu Bên mời thầu không tìm thấy các thông tin về hàng hóa trên website hoặc có thông tin nhưng các thông tin này sai lệch về kỹ thuật so với tài liệu do nhà thầu cung cấp trong HSDT dẫn đến không đủ cơ sở để đánh giá tính đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu thì nhà thầu phải chấp nhận kết quả đánh giá của Bên mời thầu.

1.2.3. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì

- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo hành 24/7, ngày lễ, ngày nghỉ hoặc khi có yêu cầu đột xuất.

- Có cam kết thời gian bảo hành đáp ứng yêu cầu tại Mục 1.2.1 Chương V, E-HSMT.

- Nhà thầu cam kết nếu xác định hàng hóa không thể bảo hành tại chỗ mà phải mang thiết bị đi nơi khác thì phải cung cấp thiết bị thay thế tạm thời ngay trong vòng 01 tiếng để Chủ đầu tư sử dụng (bao gồm ngày lễ và thứ 7, chủ nhật).

- Nhà thầu cam kết thay thế (hoặc sửa lỗi) sản phẩm lỗi trong thời gian chậm nhất 01 ngày (tương đương với 24 giờ) sau khi nhận được thông báo của bên mời thầu và nhà thầu phải chịu chi phí cho việc khắc phục các lỗi, hư hỏng này.

- Nhà thầu cam kết phải giải quyết sự cố trong vòng 30 phút từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Nếu quá 04 giờ đồng hồ chưa khắc phục sự cố mà không có lý do chính đáng hoặc xác nhận của đơn vị sử dụng thì Chủ đầu tư sẽ lập biên bản vi phạm và nhà thầu sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những thiệt hại liên quan.

- Nhà thầu cam kết thực hiện bảo trì 02 lần/1 tháng đối với các thiết bị mà nhà thầu cung cấp thuộc gói thầu.

MỤC 2. BẢN VẼ

Không có.

MỤC 3. KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

- Nhà thầu cam kết cung cấp giấy tờ đối với hàng hóa chính hãng sản xuất như sau:

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu thì hàng hóa phải được nhập khẩu nguyên đai, nguyên kiện theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam, có đầy đủ giấy chứng nhận chất lượng (CQ), giấy chứng nhận xuất xứ (CO) (Bản gốc hoặc bản sao công chứng).

+ Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Yêu cầu cung cấp tài liệu chứng minh chất lượng hàng hóa, phiếu chứng nhận xuất xưởng hoặc tài liệu tương đương chứng minh nguồn gốc của hàng hóa (Bản gốc hoặc bản sao công chứng).

- Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa để khẳng định hàng hóa có thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Phạm vi kiểm tra, thử nghiệm: Toàn bộ theo danh mục hàng hóa tại Phạm vi cung cấp.

- Thời gian kiểm tra, thử nghiệm: Khi có yêu cầu từ phía Chủ đầu tư.

- Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm: Tại nơi lắp đặt hàng hóa.

- Cách thức kiểm tra, thử nghiệm:

+ Nhà thầu trực tiếp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa với sự chứng kiến của Chủ đầu tư. Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu.

+ Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn không phù hợp với yêu cầu của hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế thiết bị khác để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của nhà thầu.

+ Trong thời gian chạy thử thiết bị, nếu thiết bị lỗi không thể vận hành theo đúng thông số kỹ thuật công bố thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm thay thế thiết bị khác mới 100%.